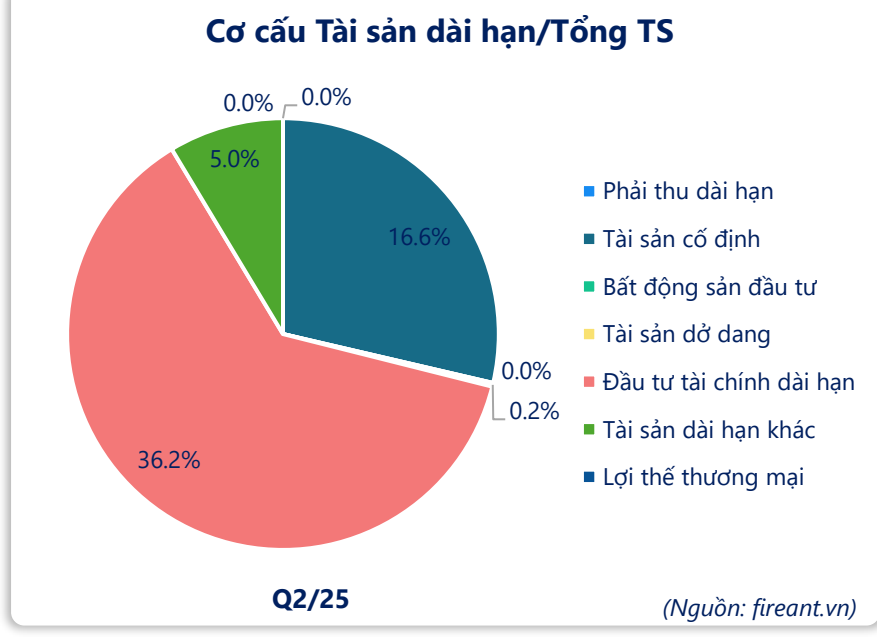
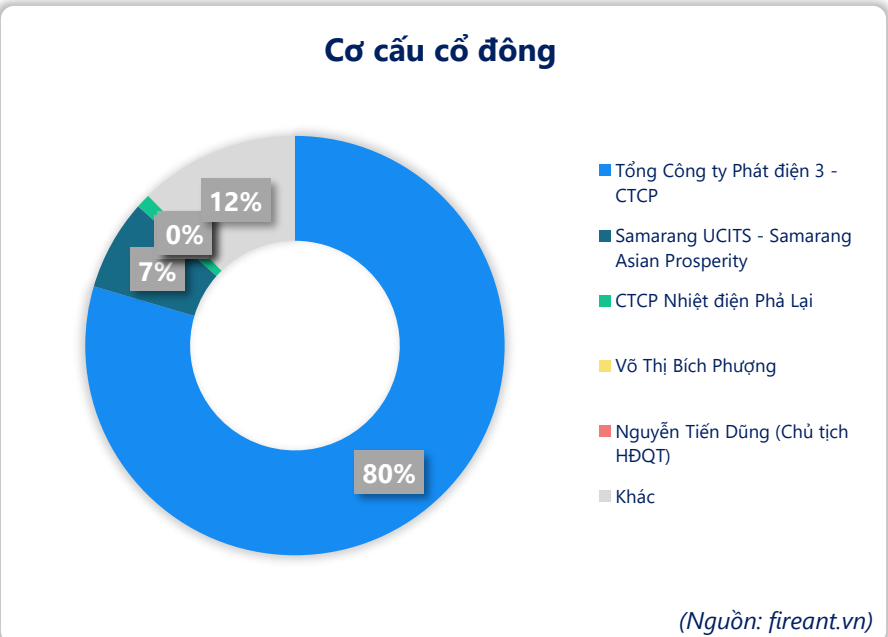
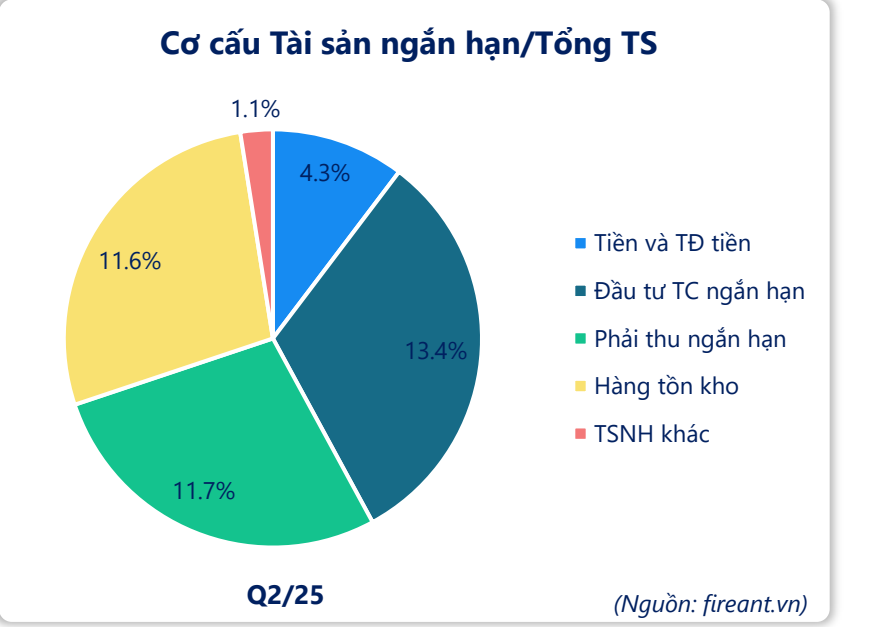
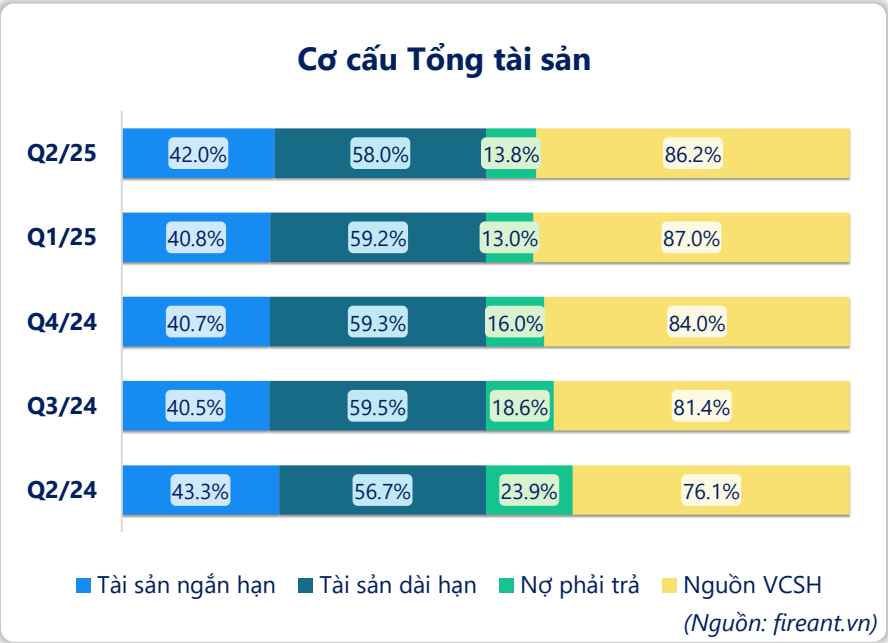
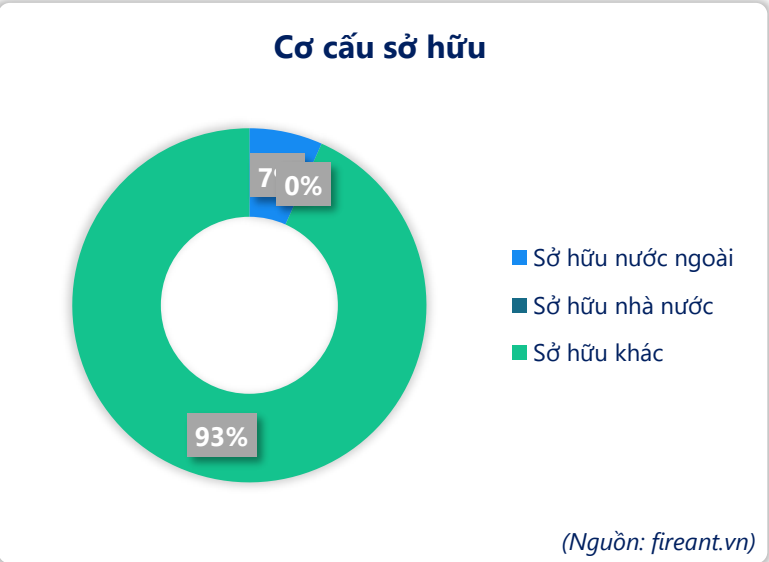
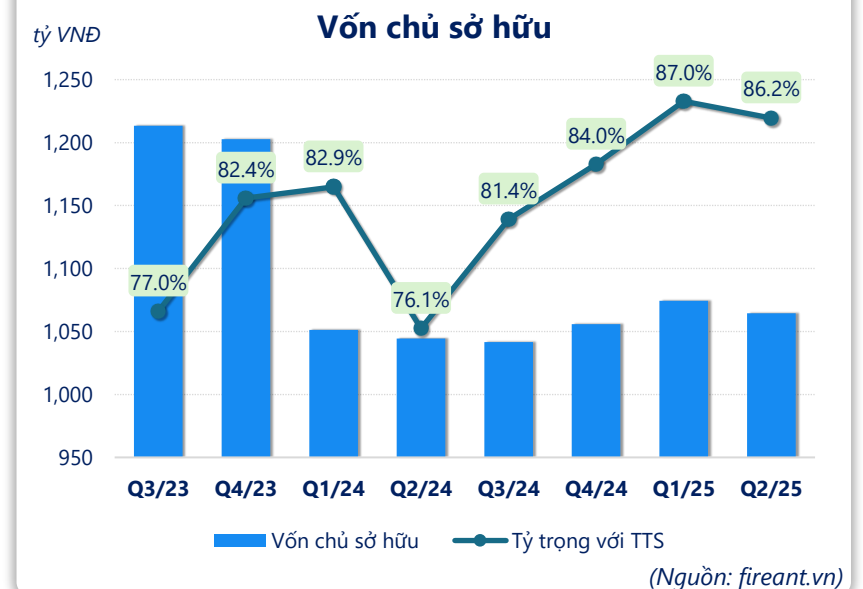
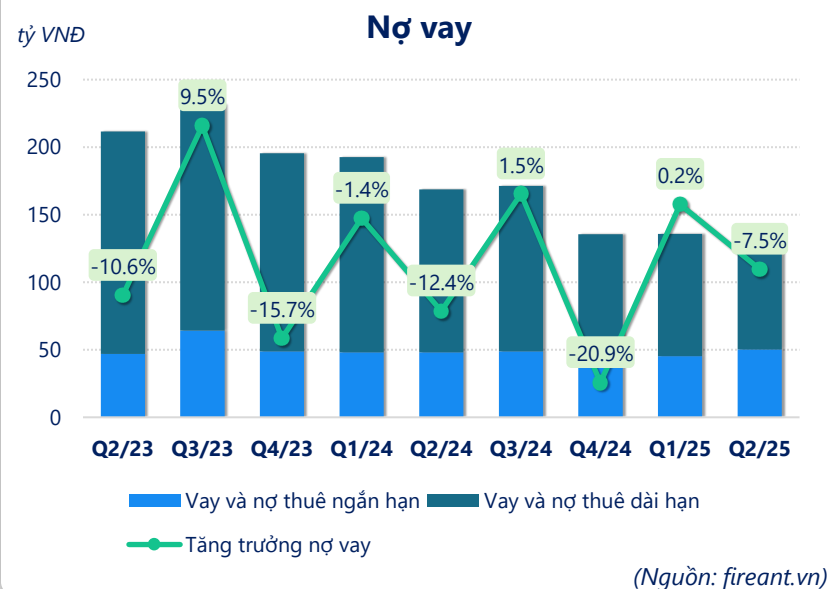
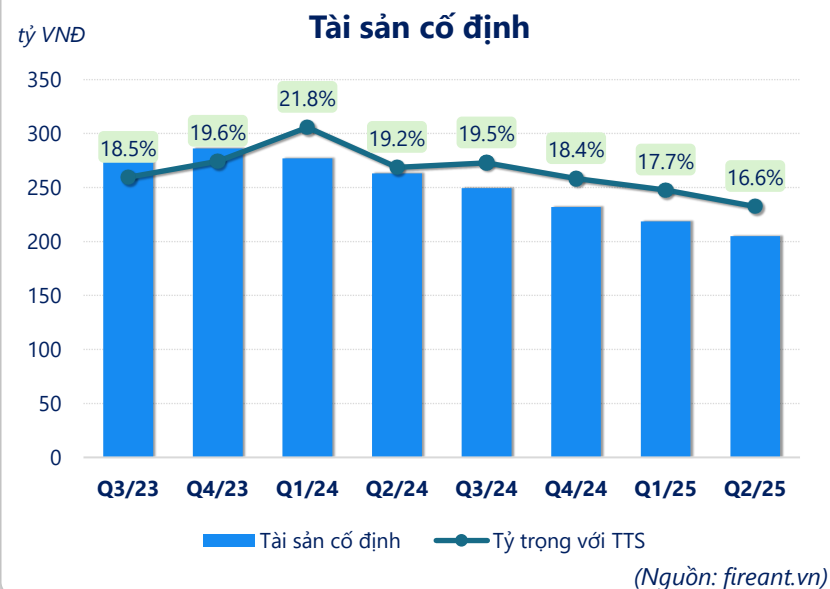
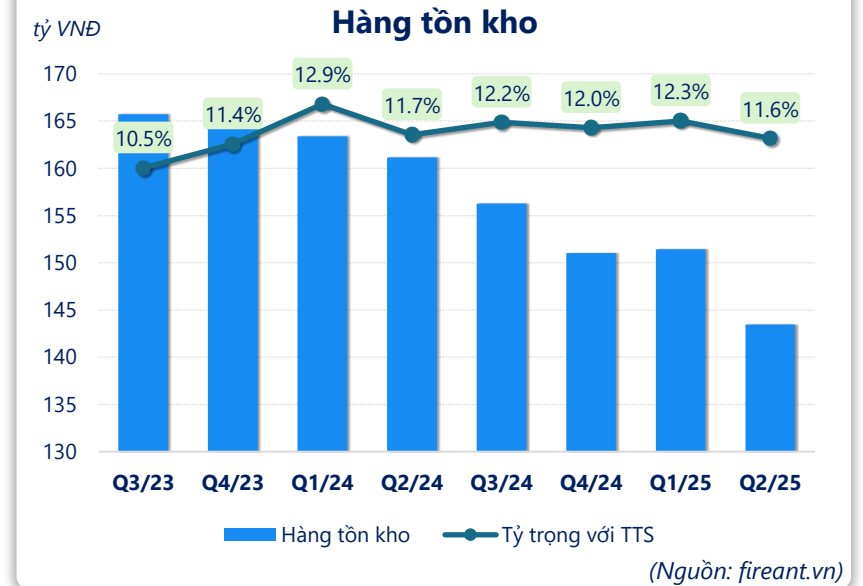
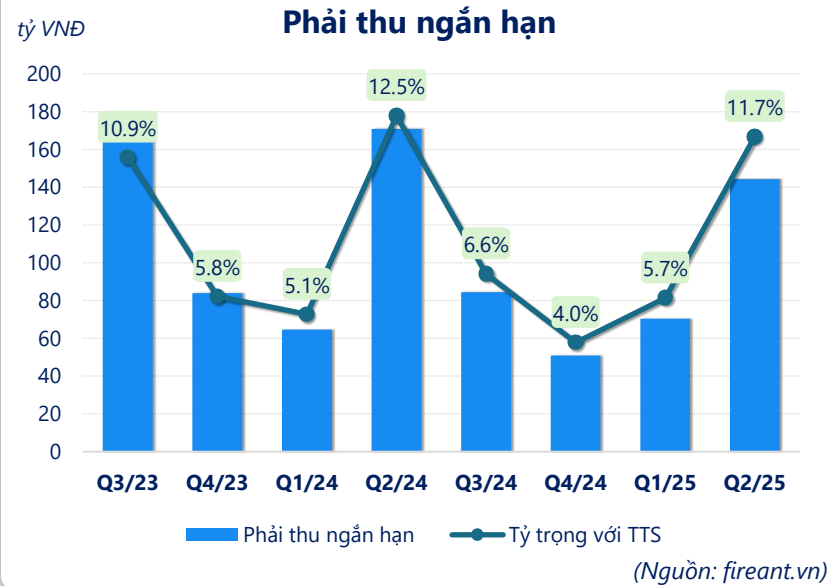
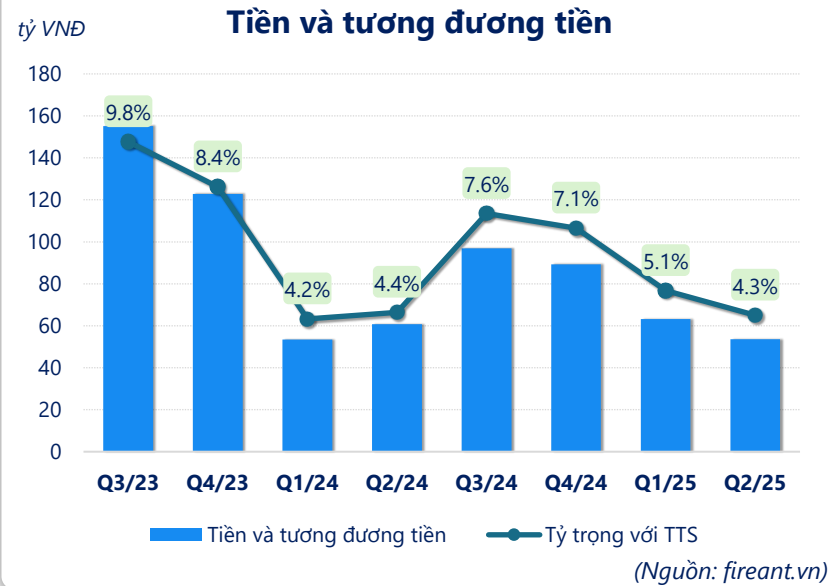
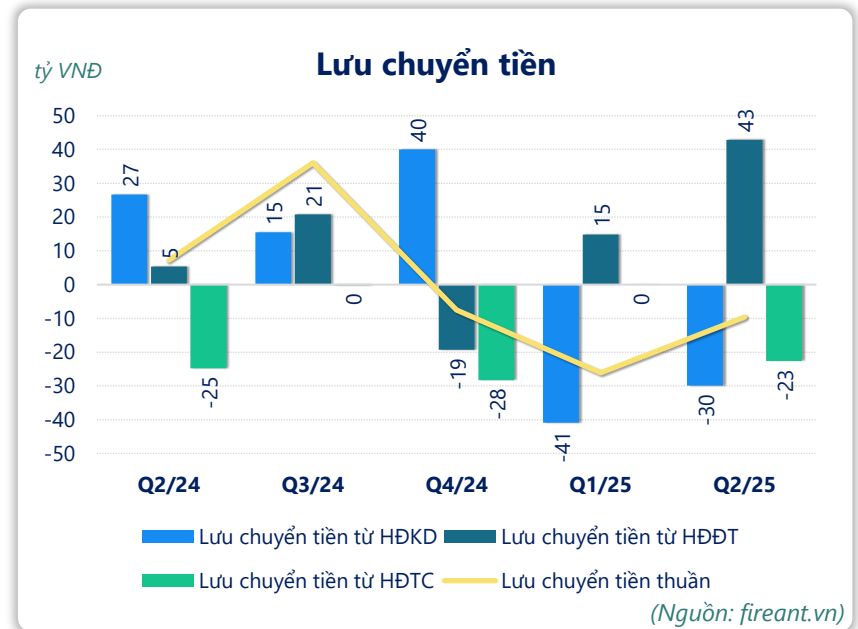
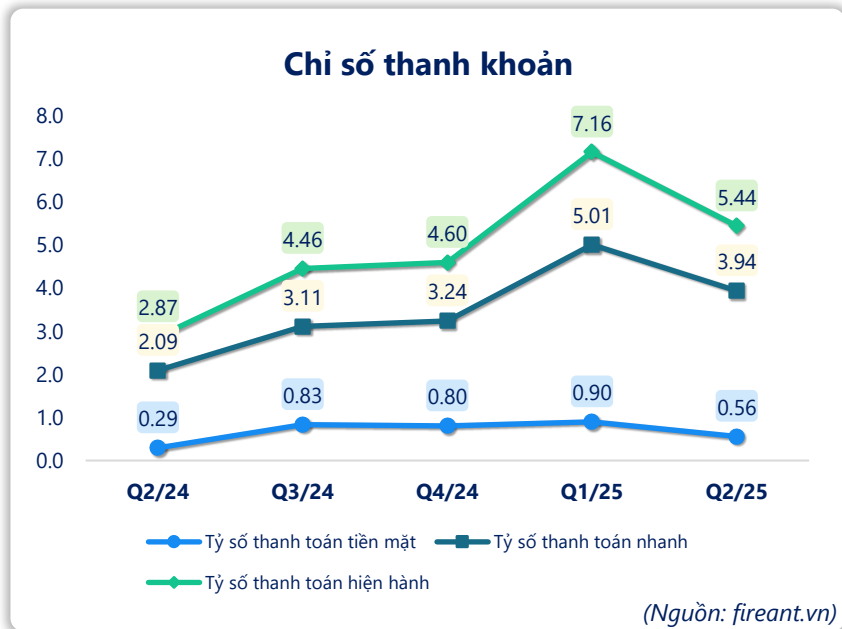
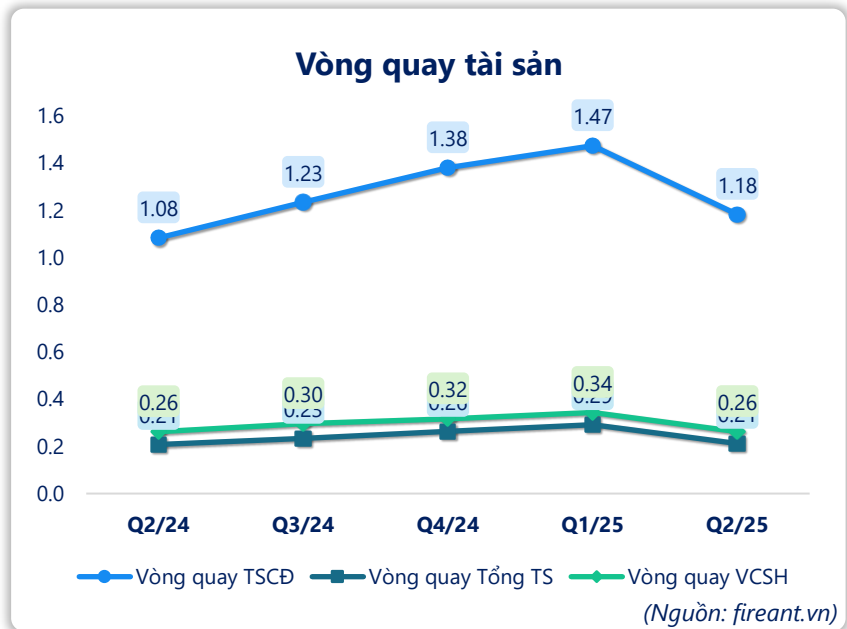
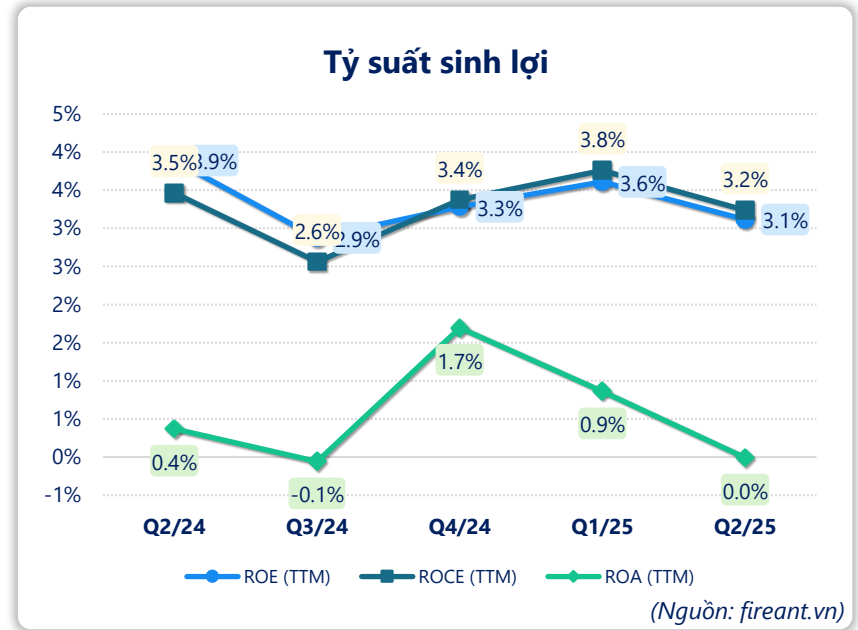
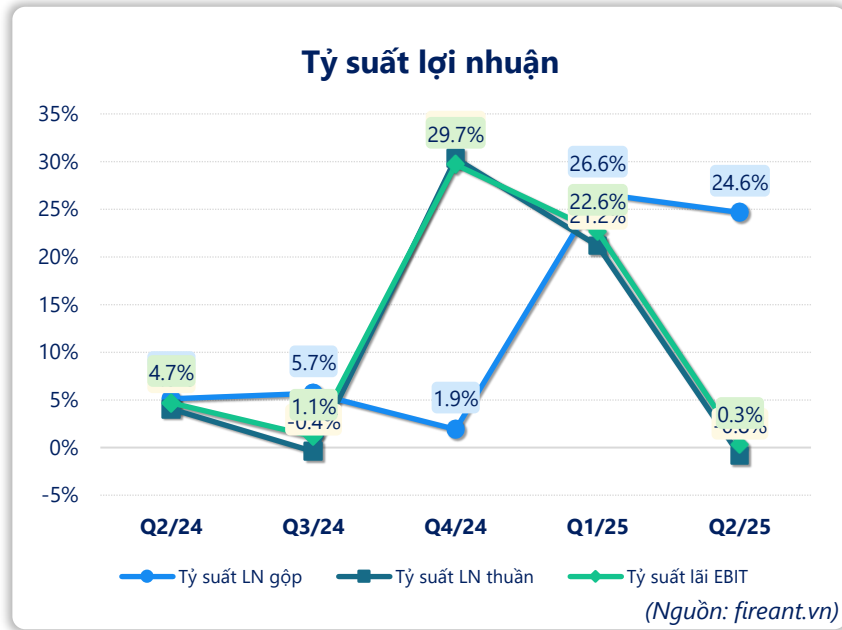
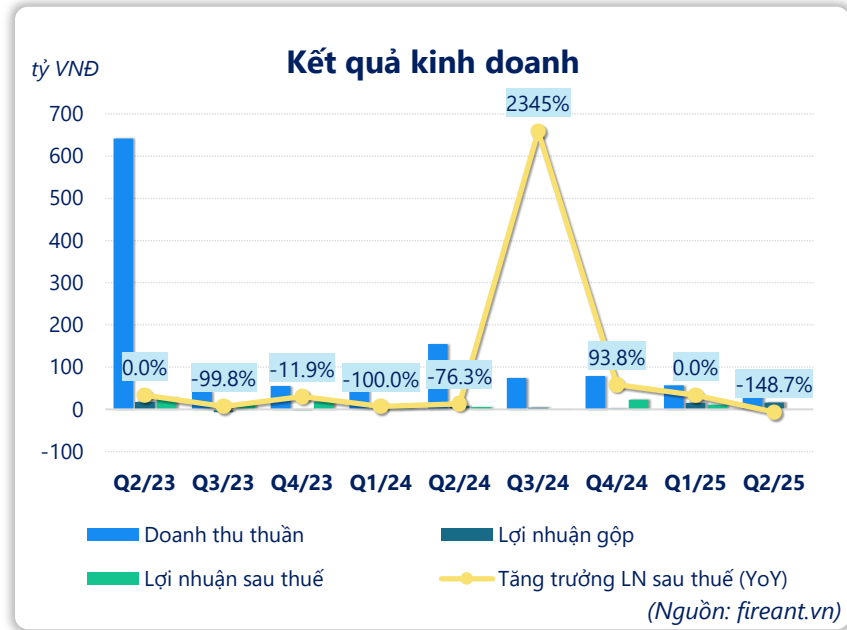


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,794
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,900
SL cổ phiếu LH		60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,860
% sở hữu nước ngoài		6.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		723
P/E		22.0
EPS		543

	YTD	1T	3T	6T
BTP	-0.4%	0.0%	-2.0%	-0.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,235	1,272	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	519	526	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	53.6	89.3	-40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	165	200	-17.5%
Phải thu ngắn hạn	144	64.5	124%
Hàng tồn kho	143	151	-5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.0	20.9	-37.8%
Tài sản dài hạn	716	746	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	205	232	-11.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.99	1.99	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	447	447	0.0%
Tài sản dài hạn khác	61.7	64.7	-4.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	171	208	-17.9%
Nợ ngắn hạn	95.4	118	-18.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.3	45.2	11.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.08	39.1	-94.7%
Nợ dài hạn	75.4	90.3	-16.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	75.4	90.3	-16.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,065	1,064	0.1%
Vốn chủ sở hữu	1,065	1,064	0.1%
Vốn điều lệ	605	605	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	155	74.8	78.8	56.9	66.4
Giá vốn hàng bán	147	70.5	77.3	41.8	50.0
Lợi nhuận gộp	7.89	4.26	1.50	15.2	16.4
Doanh thu HĐTC	3.43	4.21	34.4	4.82	5.04
Chi phí TC	0.92	1.35	0.54	1.12	13.2
Chi phí lãi vay	0.92	1.17	0.71	0.82	0.74
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí QLDN	4.16	7.43	11.5	6.81	8.77
LN thuần từ HĐKD	6.23	-0.31	23.9	12.1	-0.56
Lợi nhuận khác	0.09	0.00	-1.23	0.02	0.00
LN trước thuế	6.33	-0.31	22.7	12.1	-0.56
Lợi nhuận sau thuế	5.41	-0.83	23.0	10.8	-0.11
LNST của CĐ cty mẹ	5.41	-0.83	23.0	10.8	-0.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.7	15.5	40.0	-40.9	-29.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.37	20.8	-19.3	14.9	42.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.8	-0.23	-28.2	-0.03	-22.6
Tiền đầu kỳ	53.5	60.7	96.8	89.3	63.2
Lưu chuyển tiền thuần	7.26	36.1	-7.53	-26.1	-9.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	60.7	96.8	89.3	63.2	53.6

(Nguồn: fireant.vn)